

BIỂU 01. TỔNG HỢP GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN

Công trình: Trạm bơm tưới Phai Nà, thôn Bản Hẻo, xã Trấn Ninh, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
(Kèm theo Quyết định số 1211/QĐ-UBND ngày 23 /5/2025 của Chủ tịch UBND huyện Văn Quan)

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
I	Chi phí xây dựng	Gxd	Gxd	1.187.154.630	94.972.370	1.282.127.000
1	Quyết toán theo Hợp đồng số: Hợp đồng số: 01/2024/HĐ-XD ngày 24 tháng 05 năm 2024 (Áp dụng VAT 8% theo NĐ 72/2024/NĐ-CP)	Gxd	Có bảng tính	1.187.154.630	94.972.370	1.282.127.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlđa	Giá trị đề nghị QT	46.453.000		46.453.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv	(Gtv1+Gtv2+Gtv3)	104.776.852	8.382.148	113.159.000
1	Chi phí khảo sát địa hình (Áp dụng VAT 8% theo NĐ 72/2024/NĐ-CP)	Gtv1	BB nghiệm thu, QT A-B	31.575.000	2.526.000	34.101.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (Áp dụng VAT 8% theo NĐ 72/2024/NĐ-CP)	Gtv2	BB nghiệm thu, QT A-B	31.134.259	2.490.741	33.625.000
3	Chi phí thẩm tra BC KTKT (Áp dụng VAT 8% theo NĐ 72/2024/NĐ-CP)	Gtv3	Dự toán duyệt	5.447.222	435.778	5.883.000
4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá HS dự thầu thi công xây dựng và mua sắm vật tư, thiết bị (Áp dụng VAT 8% theo NĐ 72/2024/NĐ-CP)	Gtv4	BB nghiệm thu, QT A-B	4.078.704	326.296	4.405.000
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Áp dụng VAT 8% theo NĐ 72/2024/NĐ-CP)	Gtv5	BB nghiệm thu, QT A-B	32.541.667	2.603.333	35.145.000
IV	Chi phí khác	Gk	Gk1+Gk2+...+Gk5	15.061.000	-	15.061.000
1	Phí thẩm định BC KTKT	Gk1	Dự toán duyệt	500.000		500.000
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn (Nghị định số 99/2021/NĐ-CP)	Gk2	Giá trị đề nghị QT * 0,57%	8.327.000		8.327.000
3	Chi phí thẩm định hồ sơ dự thầu	Gk3	Dự toán duyệt	1.000.000		1.000.000
4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Gk4	Dự toán duyệt	1.000.000		1.000.000
5	Chi phí thẩm định BCKTKT của cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư	Gk5	Dự toán duyệt	817.000		817.000

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
6	Chi phí kiểm tra nghiệm thu	Gk6	Theo giá trị cơ quan kiểm tra nghiệm thu đề nghị kèm theo Thông báo số 196/TB-KTHT&ĐT ngày 16/4/2025	3.417.000		3.417.000
	TỔNG CỘNG		Gxd+Gqlđa+Gtv+Gk+Gdp	1.353.445.481	103.354.519	1.456.800.000

Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm năm mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng ./.

BIỂU 02. TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN
Công trình: Trạm bơm tưới Phai Nà, thôn Bản Hẻo, xã Trấn Ninh, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
(Kèm theo Quyết định số 1211/QĐ-UBND ngày 23 /5/2025 của Chủ tịch UBND huyện Văn Quan)

Đơn vị: đồng

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
I	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4	8
	Tổng số		1.456.800.000	1.400.435.000	58.197.000	1.832.000	
I	Chi phí xây dựng		1.282.127.000	1.282.127.000	-	-	
1	Công ty TNHH Vũ Phương	Chi phí xây dựng	1.282.127.000	1.282.127.000	-		
II	Chi phí QLDA		46.453.000	-	46.453.000	-	
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Quản lý dự án	46.453.000		46.453.000		
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		113.159.000	114.991.000	-	1.832.000	
1	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Thuận An Phát	Chi phí tư vấn Khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	67.726.000	67.726.000	-	-	
	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Thủy Lợi Lạng Sơn	Chi phí thẩm tra BCKT KT	5.883.000	7.715.000		1.832.000	
	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thành Nam	Chi phí lập HS mời thầu, đánh giá HS dự thầu thi công xây dựng và mua sắm vật tư, thiết bị	4.405.000	4.405.000			
4	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Thủy Lợi Lạng Sơn	Giám sát thi công xây dựng	35.145.000	35.145.000	-	-	
IV	Chi phí khác		15.061.000	3.317.000	11.744.000	-	
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	Phí thẩm định BC KTKT	500.000	500.000	-	-	
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn (Nghị định số 99/2021/NĐ-CP)	8.327.000		8.327.000		
3	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Chi phí thẩm định hồ sơ dự thầu	1.000.000	1.000.000		-	
4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	1.000.000	1.000.000		-	
5	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	Chi phí thẩm định BCKTKT của cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư	817.000	817.000	-	-	

Nội dung	Đơn vị	Phê duyệt	Quyết toán A-B đề nghị	Giá trị thẩm tra QT	Chênh lệch
#NAME?	đồng	1.369.908.000	1.282.127.000	1.282.127.000	-
- Chi phí quản lý dự án	đồng	46.453.000	46.453.000	46.453.000	-
- Chi phí tư vấn DT XD	đồng	115.819.000	115.818.000	113.159.000	- 2.659.000
- Chi phí khác	đồng	16.566.000	16.566.000	15.061.000	- 1.505.000
- Chi phí dự phòng	đồng	50.773.000			
- Chi phí nhân dân đóng góp	đồng	156.800.000		-	
Tổng cộng	đồng	1.756.319.000	1.460.964.000	1.456.800.000	- 4.164.000